

Số: 61/CAD-2022

Cà Mau, ngày 03 tháng 08 năm 2022

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH

(V/v: Về báo cáo tài chính kiểm toán
các năm 2016, 2017, 2018, 2018, 2020, 2021)

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Ngày 14/07/2022 Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex (Công ty Cadovimex) có tiến hành công bố Báo cáo tài chính kiểm toán các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 và được hệ thống CIMS HNX yêu cầu giải trình kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến, giải trình điều chỉnh hồi tố, giải trình vốn chủ sở hữu là số không dương, giải trình về LNST chênh lệch 10%.

Nay Công ty Cadovimex xin được giải trình vụ việc như sau:

1. Về việc kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán:

Theo báo cáo kiểm toán của công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc tại trang 3 báo cáo tài chính năm 2016, Công ty Cadovimex xin nêu lên cơ sở từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc cụ thể như sau:

“Do được bổ nhiệm kiểm toán sau thời điểm kết thúc năm tài chính, chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2016 với giá trị lần lượt là 55.613.516 đồng và 47.77.727.000 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của lượng tiền mặt, hàng tồn kho trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong đó, Công ty cũng đang trích dự phòng với toàn bộ lượng Hàng tồn kho bị South China Seafood nắm giữ từ năm 2006 đến thời điểm hiện tại không thể thu hồi với giá trị 33.652.172.082 đồng..

Tại thời điểm 01/01/2016, Công ty chưa thu thập được các thư xác nhận với các khoản Tiền gửi ngân hàng số tiền 674.658.885 đồng. Phải thu khách hàng số tiền 93.708.662.123 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 86.861.670.763 đồng), Trả trước cho người bán số tiền 11.125.805.074 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 9.941.354.074 đồng), Phải thu khác số tiền 12.747.984.926 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 9.711.865.840 đồng), Phải trả người bán số tiền 25.242.554.607 đồng, Vay ngắn hạn số tiền 213.614.367.077 đồng, Phải trả ngắn hạn khác số tiền 114.866.688.935 đồng (trong đó lãi vay phải trả là 103.369.408.745 đồng), Phải trả dài hạn khác số tiền 1.034.702.250 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản mục như Tiền gửi ngân hàng, Công nợ phải thu - phải trả, Dự phòng phải thu khó đòi, Chi phí tài chính và các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thu thập được các thư xác nhận với các khoản Tiền gửi ngân hàng số tiền 880.074.260 đồng. Phải thu khách hàng số tiền 93.216.451.919 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 87.236.680.393 đồng), Trả trước cho người bán số tiền 15.211.905.844 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 13.882.375.461 đồng), Phải thu khác số tiền 14.191.720.112 đồng (Trong đó Dự phòng đã trích là 12.294.776.961 đồng), Phải trả người bán số tiền 22.162.876.754 đồng, Vay ngắn hạn số tiền 212.101.906.817 đồng, Phải trả ngắn hạn khác số tiền 134.803.971.636 đồng (trong đó lãi vay phải trả là 119.803.098.875 đồng), Phải trả dài hạn khác số tiền 1.034.702.205 đồng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản

mục như Tiền gửi ngân hàng, Công nợ phải thu - phải trả, Dự phòng phải thu khó đòi, Chi phí tài chính và các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong năm 2016 Công ty điều chỉnh hồi tố ghi giảm một số khoản chi phí trả trước dài hạn số tiền 16.681.968.390 đồng, tuy nhiên chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến các khoản chi phí được điều chỉnh hồi tố này vì vậy chúng tôi không có căn cứ xác định khoản điều chỉnh này là có phù hợp các quy định hiện hành hay không. Cũng tại thời điểm 01/01/2016 và 31/12/2016 Công ty có theo dõi khoản chi trả trước ngắn hạn giá trị lần lượt là 3.274.532.426 đồng và 3.411.929.723 đồng chưa được cung cấp được các hồ sơ liên quan, vì vậy chúng tôi cũng không thể xác định tính hiện hữu của các khoản chi trả trước này trên báo cáo tài chính tại ngày 01/01/2016 và 31/12/2016.

Trong năm 2016 Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc xác định đơn giá của hàng tồn kho, hồ sơ mua hàng tồn kho và bán thành phẩm, dịch vụ. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không có căn cứ để đưa ý kiến về toàn bộ giá trị hàng tồn kho – Doanh thu – Giá vốn trong năm.

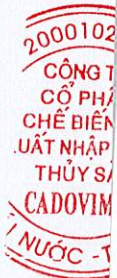
Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành xác định lại giá trị doanh nghiệp làm tăng so với sổ sách là 111.337.014.296 đồng, trong đó đánh giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị lần lượt là 12.745.043.314 đồng và 98.591.970.982 đồng, đồng thời dùng nguồn đó để làm tăng vốn góp chủ sở hữu 102.000.000.000 đồng, tăng thặng dư vốn cổ phần lên 9.337.014.296 đồng. Việc công ty sử dụng dịch vụ thẩm định giá độc lập để thẩm định lại giá trị tài sản của doanh nghiệp và ghi nhận tăng giá trị tổng tài sản và vốn chủ sở hữu từ đánh giá lại này là chưa đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Đến năm 201, Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại toàn bộ phần giá trị tài sản tăng thêm này và ghi giảm toàn bộ vào thặng dư vốn cổ phần số tiền 111.337.014.296 đồng làm cho thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo có giá trị âm (25.797.520.000) đồng. Cùng với đó chúng tôi chưa thu thập được các hồ sơ liên quan đến đợt tăng vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ) năm 2012 số tiền 120.000.000.000 đồng (102.000.000.000 đồng tăng từ thặng dư vốn cổ phần và 18.000.000.000 đồng góp vốn bằng tiền). Chúng tôi không tiến hành các thủ tục thay thế vì vậy chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ý kiến về việc tăng vốn này và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của đơn vị.

Tại thời điểm 01/01/2016 Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ tài sản cố định cũng như căn cứ ước tính khấu hao lũy kế đầu kỳ của đơn vị. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế vì vậy chúng tôi không xác định được liệu có cần điều chỉnh Nguyên giá và Hao mòn lũy kế của Tài sản cố định trên báo cáo tài chính tại thời điểm 01/01/2016 và 31/12/2016 hay không.”

• Từ những cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đã nêu ở trên nên phía Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm của năm 2016, từ đó lũy kế đến các năm sau từ 2017 đến 2021 Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc cũng từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

2. Về việc điều chỉnh hồi tố:

Qua việc kiểm toán Báo cáo tài chính các năm Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Moore Aisc đã phát hiện có nhiều sai sót của các năm trước năm kiểm toán 2016 nên kiểm toán viên yêu cầu công ty tiến hành các thủ tục hồi tố số liệu theo số dư đầu kỳ của năm 2016, cụ thể như sau:



Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 Số đã Trình Bày	Năm 2015 Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên Báo Cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	161.586.457.032	165.763.159.099	4.176.702.067
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	29.086.969.896	24.910.267.829	(4.176.702.067)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	222.178.683	4.365.419.868	4.143.241.185
Chi phí tài chính	22	6.926.871.491	68.329.300.861	61.402.429.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.393.660.636	7.832.039.586	438.378.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	757.073.011	(61.117.196.191)	(61.874.269.202)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	417.598.740	(61.456.670.462)	(61.874.269.202)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	376.257.989	(61.498.011.213)	(61.874.269.202)
Trên bản Cân Đối Kế Toán				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	152.076.251.108	74.652.301.869	(77.423.949.239)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	48.799.734.850	11.067.561.446	(37.732.173.404)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	24.176.170.366	175.875.783.578	151.699.613.212
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.887.436.789	12.747.984.926	(139.451.863)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(189.096.344.753)	(189.096.344.753)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	610.322.621	414.332.621	(195.990.000)
Hàng tồn kho	140	79.403.477.050	45.562.066.294	(33.841.410.756)
Hàng tồn kho	141	79.403.477.050	79.214.238.376	(189.238.674)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.652.172.082)	(33.652.172.082)
Tài sản ngắn hạn khác	150	10.048.052.903	4.197.687.824	(5.850.365.079)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.247.177.520	396.812.441	(5.850.365.079)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	540.137.547.467	27.192.174.208	(512.945.373.259)
Các khoản phải thu dài hạn	210	151.416.011.025		(151.416.011.025)
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	151.699.613.212		(151.699.613.212)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(283.602.187)		283.602.187
Tài sản cố định	220	138.326.235.670	26.989.221.374	(111.337.014.296)
Tài sản cố định hữu hình	221	39.726.264.670	26.981.221.356	(12.745.043.314)
- Nguyên giá	222	117.241.738.344	104.496.695.030	(12.745.043.314)
Tài sản cố định vô hình	227	98.599.971.000	8.000.018	(98.591.970.982)
- Nguyên giá	228	98.671.970.982	80.000.000	(98.591.970.982)
Tài sản dài hạn khác	260	250.192.347.938		(250.192.347.938)
Chi phí trả trước dài hạn	261	250.192.347.938		(250.192.347.938)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	692.213.798.575	101.844.476.077	(590.369.322.498)
NGỢ PHẢI TRẢ	300	744.324.668.358	732.041.332.016	(12.283.336.342)
Nợ ngắn hạn	310	743.289.966.108	731.006.629.766	(12.283.336.342)
Phải trả ngắn hạn khác	319	275.255.902.535	262.534.187.243	(12.721.715.292)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	(438.378.950)		438.378.950
Chi phí phải trả dài hạn	333	1.034.702.250		(1.034.702.250)
Phải trả dài hạn khác	337		1.034.702.250	1.034.702.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(52.110.869.783)	(630.196.855.939)	(578.085.986.156)
Vốn chủ sở hữu	410	(52.110.869.783)	(630.196.855.939)	(578.085.986.156)
Thặng dư vốn cổ phần	412	85.539.494.196	(25.797.520.100)	(111.337.014.296)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	4.600.314.238		(4.600.314.238)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(363.064.935.725)	(825.213.593.347)	(462.148.657.622)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	692.213.798.575	101.844.476.077	(590.369.322.498)

580-C
HÀ
CÁ MẠI

3. Về việc âm vốn chủ sở hữu.

- Vào năm 2008 khủng hoảng toàn cầu nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng trong đó có Công ty Cadovimex, mặt khác Công ty cadovimex bị khách hàng chiếm dụng vốn dài hạn qua nhiều năm chưa thể thu hồi được với số tiền lên đến hơn 175 tỷ làm cho công ty bị mất cân đối về tài chính.

- Từ việc Công ty Cadovimex bị chiếm dụng vốn (chưa thể thu hồi từ khách hàng) nên Công ty thiếu hụt nguồn vốn nghiêm trọng trong sản xuất kinh doanh, dẫn đến Công ty phải sửa dụng vốn vay ngắn hạn từ Ngân hàng để làm vốn lưu động. Tuy nhiên trong khoảng thời gian từ năm 2009 lãi suất Ngân hàng liên tục tăng cao dẫn đến chi phí của Công ty càng tăng cao hơn. Công ty phải cắt giảm việc xuất khẩu, tự xoay sở kinh doanh bằng nguồn thu hạn hẹp từ cho thuê các dịch vụ xuất khẩu, nhận gia công thuê cho các đơn vị cùng ngành nhằm duy trì đời sống công nhân lao động để chờ nhà đầu tư tái cấu trúc Công ty, nguồn thu này không đủ bù đắp các khoản chi phí tại công ty dẫn đến Công ty bị lỗ liên tục từ những năm 2008 và kéo dài liên tục cho đến thời điểm hiện tại.

- Trong những năm 2009 đến 2015 do Công ty kinh doanh lỗ nên các khoản lãi vay lãi phạt đều tiến hành treo lại không đưa vào chi phí đến năm 2015 kiểm toán viên mới điều chỉnh lại phần này vào chi phí số tiền hơn 68 tỷ, kiểm toán viên cũng tiến hành lập dự phòng các khoản nợ không có khả năng thanh toán lên đến 189 tỷ, hàng tồn kho lên đến 33 tỷ.

- Ngoài ra công ty cadovimex còn phần lãi chậm nộp BHXH lên đến hơn 10 tỷ.

- Từ những nguyên nhân trên công ty cadovimex bị lỗ liên tục qua nhiều năm dẫn đến âm vốn chủ sở hữu

4. Về việc LNST chênh lệch 10%.

- LNST năm 2016 chênh lệch hơn 10% so với năm 2015 nguyên do: doanh thu năm 2016 thấp hơn doanh thu năm 2015 là 41.2% trong khi chi phí giảm có 37,4% so với năm 2015 làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2016 thấp hơn 42.5% so với năm 2015.

- LNST năm 2017 chênh lệch hơn 10% so với năm 2016 nguyên do: doanh thu năm 2017 thấp hơn doanh thu năm 2016 là 80,7%, trong khi chi phí giảm 32,7% làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2017 cao hơn 28.5% so với năm 2016.

- LNST năm 2018 chênh lệch hơn 10% so với năm 2017 nguyên do: doanh thu năm 2017 thấp hơn doanh thu năm 2016 là 22.3%, trong khi chi phí giảm 25.8% làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2018 thấp hơn 28.6% so với năm 2017.

- LNST năm 2019 chênh lệch hơn 10% so với năm 2018 nguyên do: doanh thu năm 2019 cao hơn doanh thu năm 2018 là 52.5%, trong khi chi phí tăng 22.3% làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2019 cao hơn 14.7% so với năm 2018.

- LNST năm 2020 chênh lệch hơn 10% so với năm 2019 nguyên do: doanh thu năm 2020 thấp hơn doanh thu năm 2019 là 26,5%, trong khi chi phí giảm 15,8% làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2020 thấp hơn 12.2% so với năm 2019.

- LNST năm 2021 chênh lệch hơn 10% so với năm 2020 nguyên do: doanh thu năm 2021 cao hơn doanh thu năm 2020 là 2,4%, trong khi chi phí giảm 8.6% làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn 14.7% so với năm 2020

Trên đây là những giải trình kính trình đến Ban lãnh đạo Ủy ban Chứng Khoán Hà Nội xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

